TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯƠNG KHÊ** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/02/2024
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Thảo; ông Phan Văn Tiến.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Bích Khuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh*** *tham gia phiên toà*: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 05/02/2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2023 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/01/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-DS ngày 19/01/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Phương T; sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn H, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Tiến H; sinh năm: 1992; địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2023, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Tiến H đăng ký kết hôn vào ngày 23/5/2018 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được 06 tháng thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh H nhiều lần đánh đập chị nên khiến mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặc dù chị đã cố gắng chịu đựng để vợ chồng cùng nhau chung sống nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay vì mục đích hạnh phúc hôn nhân

không đạt được nên chị làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Tiến H.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Trích lục kết hôn; bản sao căn cước công dân; xác nhận thông tin nơi cư trú; biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án; bản tự khai.

Bị đơn anh Trần Tiến H: Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh H theo thủ tục tố tụng nhưng anh H không phối hợp có mặt tại Tòa án để làm việc.

Ngày 02/01/2024, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của anh Trần Tiến H. Tại biên bản làm việc với Công an xã G, huyện Hương Khê cung cấp thông tin: Công dân Trần Tiến H, sinh ngày 29/02/1992, có số định danh cá nhân 042092007973 là công dân của địa phương, đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại thôn T, xã G, huyện Hương Khê, ngoài ra anh H không đăng ký tạm trú ở địa phương nào khác.

Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương đến trực tiếp tại nhà anh Trần Tiến H để lấy lời khai, tại các buổi làm việc ông Trần Đình S (Cha đẻ của anh H) cung cấp thông tin: Chị T và anh H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống giữa anh chị nảy sinh mâu thuẫn, mặc dù gia đình ông đã nhiều lần hòa giải khuyên nhủ, thậm chí đã đến trực tiếp tại nhà mẹ đẻ của chị T và cha xứ để hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng không thể hòa giải được. Nay chị T xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đồng thời, ông S cung cấp số điện thoại của anh H thuê bao số 0354006063, Tòa án tiến hành liên hệ trực tiếp qua điện thoại thì anh H cung cấp thông tin: Anh đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án, biết việc chị T làm đơn xin ly hôn nhưng vì hiện nay anh bận đi làm ăn, không về giải quyết vụ án được. Anh thừa nhận anh và chị T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống giữa vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hòa giải được. Nay chị T xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn đơn phương, anh không tham gia giải quyết tại Tòa án vì gia đình anh theo Đạo Thiên Chúa, không được phép ly hôn; về con chung và tài sản chung giữa anh và chị T không có con chung và tài sản chung nên không đề nghị Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật có ý kiến như sau:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên

tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, đối chiếu với các quy định của pháp luật có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân, chị T, anh H trên cơ sở tự do tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị T, anh H nảy sinh mâu thuẫn, đã ly thân nhau từ lâu, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, mâu thuẫn trở nên trầm trọng nên đề nghị xử cho chị T được ly hôn anh H; về con chung, vợ chồng không có con chung nên đề nghị Tòa án không xem xét; về tài sản chung, các bên đương sự không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét; về án phí, đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hương Khê giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Tiến H có địa chỉ cư trú tại thôn Thượng Hải, xã Gia Phố, huyện Hương Khê nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo hòa giải cho các bên đương sự. Bị đơn anh H không có mặt tại Tòa án để tham gia các buổi hòa giải. Do đó, vụ án không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh H nhưng bị đơn đã 02 lần vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Trần Tiến H và chị Nguyễn Thị Phương T trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện Hương Khê theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2018 ngày 23/5/2018, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị T và anh H do không cùng quan điểm sống, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không có hạnh phúc, mặc dù đã được hai bên gia đình nội, ngoại tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2021 cho đến nay. Quá trình giải quyết tại Tòa án chị T nhất quyết xin ly hôn, anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn đơn phương. Điều này chứng tỏ hôn nhân của chị T, anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do

đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị Thảo, đồng ý cho chị T được ly hôn anh H.

[3] Về con chung: Các bên đương sự không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với anh Trần Tiến H.

2. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, chị T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007963 ngày 13/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê, nay không phải nộp nữa.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Phương T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Trần Tiến H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hương Khê;
- UBND xã G, huyện Hương Khê;
- Chi cục THADS Hương Khê;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ +VP-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng